

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 379/2024/HC-PT

Ngày: 10 - 5 - 2024

V/v Khiếu kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính về quản lý đất đai, quyết định giải quyết khiếu nại và yêu cầu bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Minh

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 988/2023/TLPT-HC ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc “Khiếu kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính về quản lý đất đai; Quyết định giải quyết khiếu nại và yêu cầu bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 96/2023/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 695/2024/QĐPT-HC ngày 18 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1/Bà Lê Thị N, sinh năm 1951 (vắng mặt);

2/Ông Phạm Trọng N1, sinh năm 1951 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1984 (có mặt)

(Văn bản ủy quyền ngày 25/9/2023)

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Trương Công T – Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

- *Người bị kiện:*

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ (xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Số B N, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Hồng Q - Phó Giám đốc phụ trách Ban Quản lý dự án, bồi thường giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư (xin xét xử vắng mặt)

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

3/ Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B đường H, khu A, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là bà Lê Thị N, ông Phạm Trọng N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Lê Thị N, ông Phạm Trọng N1, người đại diện theo ủy quyền của ông N1 và bà N trình bày:

Theo Quyết định số 2361/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 Ủy ban nhân dân huyện đã thu hồi 86,6m² đất, thuộc tờ bản đồ số 14, thửa đất số 174 để thực hiện dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng đường vào núi C huyện X. Theo đó đã phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông N1, bà N với các Quyết định số 2720/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 và quyết định bồi thường bổ sung số 142/QĐ-UBND ngày 17/01/2017 với tổng số tiền là 912.082.262 đồng. Thực hiện theo quy định của pháp luật, gia đình ông N1, bà N đã nhận được thông báo nhận tiền lần thứ nhất (ngày 19/01/2017), Thông báo nhận tiền lần hai (ngày 06/2/2017) với số tiền nêu trên.

Tuy nhiên, trong khoảng thời gian từ tháng 12/2016 đến 3/2017, người được ủy quyền của gia đình đã đồng ý bằng văn bản với số tiền bồi thường là 912.082.262 đồng; bà N đang điều trị tại Bệnh viện N2 tại Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 24/11/2016 đến ngày 30/11/2016 nên không thể thực hiện các nội dung theo thông báo nhận tiền bồi thường hỗ trợ của gia đình. Ngày 02/11/2017, Ủy ban nhân dân huyện đã điều chỉnh giảm số tiền 273.826.673 đồng căn cứ vào Báo cáo số 128/BC-KTHT của Phòng Kinh tế và Hạ tầng ngày 14/4/2017.

Nhận thấy quyền và lợi ích của gia đình ông N1, bà N không được Ủy ban nhân dân huyện giải quyết theo đúng quy định của pháp luật nên ông bà đã có đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V ngày 09/2/2018 để xem xét giải quyết với các yêu cầu sau: Xem xét áp dụng đơn giá bồi thường đất và vị trí đất đúng quy định của pháp luật; Xem xét hỗ trợ ổn định sản xuất; Xem xét bồi thường phần diện tích nhà xây dựng năm 1997 và 2004 của gia đình ông N1, bà N trước đây được các cơ quan ban ngành của huyện tính toán và ghi nhận rõ theo biên bản kiểm đếm, được các cơ quan ban ngành thẩm định và phê

duyet.

Tuy nhiên, vào chiều thứ 7 ngày 10/2/2018 (tức ngày 25 Tết âm lịch), Ủy ban nhân dân huyện C các cơ quan tiến hành phá dỡ công trình trên đất thuê của gia đình ông N1, bà N khi không có bất cứ quyết định cưỡng chế nào; thời gian phá dỡ chỉ diễn ra sau 02 ngày kể từ ngày bàn giao quyết định phê duyệt giá. Việc làm bất chấp các quy định của Ủy ban nhân dân huyện đã làm một lượng hàng hóa của gia đình ông N1, bà N nhập về bán vào dịp Tết bị hư hại, thất lạc và gia đình ông N1, bà N không có mặt bằng để kinh doanh gây thiệt hại rất lớn cho gia đình ông N1, bà N. Với vô vàn khó khăn về kinh tế, bức xúc vì bị đàn áp từ những biện pháp trái pháp luật của huyện X, gia đình ông N1, bà N đã mang những nguyện vọng chính đáng trên để yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ xem xét. Nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai về việc không chấp nhận yêu cầu của gia đình ông N1, bà N. Nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai là chưa phù hợp, thể hiện bằng các nội dung dưới đây:

1/Đề nghị hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất là không được xem xét. Đây là kết luận sai vì: Gia đình ông N1, bà N có đăng ký kinh doanh từ năm 2008, hơn nữa đây là nguồn thu nhập chính. Đã cung cấp giấy đăng ký cho các cơ quan giải quyết khiếu nại. Gia đình ông N1, bà N là hộ kinh doanh có doanh thu dưới 100 triệu đồng nên theo quy định của pháp luật tại Nghị định số 139/2016/NĐ-CP thuộc trường hợp được miễn lệ phí môn bài. “Trường hợp thu hồi dưới 30% (ba mươi phần trăm) diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì thực hiện hỗ trợ theo khoản 3, Điều 11 Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ T3”, đây là quy định tại khoản 1, Điều 14 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ tại Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/2/2018 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Do vậy, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho rằng không xem xét yêu cầu của ông, bà là trái quy định của pháp luật.

2/Không công nhận yêu cầu bồi thường, hỗ trợ phần ảnh hưởng phần nhà ở xây dựng năm 1997 và 2004. Đây là kết luận sai vì: Phần diện tích công trình được xây dựng trên thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Trước đây, phần diện tích này đã được tính toán bồi thường; Công trình trên được xếp hạng nhà cấp 4 hạng 3 và theo Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành đơn giá xây dựng nhà ở để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thì cấp hạng nhà này chỉ có niên hạn là 20 năm. Đối chiếu với Quy định này, thì công trình này không còn niên hạn để sử dụng; Phần diện tích công trình này có kết cấu liên kết với phần diện tích nhà ở được bồi thường (tức trước cột trụ thứ nhất tính từ ranh thu hồi) đã được đại diện Thanh tra tỉnh Đồng Nai, Sở xây dựng xác minh là đúng. Nhưng quan điểm của T1 cho rằng là không ảnh hưởng nên bác yêu cầu của ông, bà. Hiện trạng mặt đường và vỉa hè được nâng cao dẫn đến cột nền nhà của ông, bà thấp hơn 1,2m mặt đường. Do vậy ông, bà không thể sử dụng phần còn lại của công trình này được. Trái với quy định tại khoản 1 Điều 89 Luật Đất đai hiện hành, cụ thể: “Đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt

gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài khi Nhà nước thu hồi đất phải tháo dỡ toàn bộ hoặc một phần mà phần còn lại không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật thì chủ sở hữu nhà ở, công trình đó được bồi thường bằng giá trị xây dựng mới của nhà ở, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương”. Do vậy, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho rằng không công nhận yêu cầu của ông, bà là trái quy định của pháp luật.

3/Việc yêu cầu bồi thường về tài sản và tinh thần do việc phá dỡ công trình trên đất thuê vào chiều ngày 25 Tết âm lịch là không có cơ sở để xem xét. Đây là kết luận sai vì: Ủy ban nhân dân huyện bàn giao quyết định phê duyệt giá bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông, bà vào ngày 08/02/2018, nhưng cũng trong ngày này phải đồng thời hoàn thành việc bàn giao mặt bằng. Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 09/02/2018 Ủy ban nhân dân huyện T yêu cầu phải bàn giao trước 08 giờ ngày 10/02/2018. Với khoảng thời gian bất hợp lý mà Ủy ban nhân dân huyện đã buộc ông, bà phải chấp hành, khi vợ chồng tôi đã già không đủ sức khỏe để tháo dỡ cả một công trình kiên cố. Hơn nữa, việc thuê nhân công hầu như bất khả thi vì hôm đó đã là những ngày kề cận Tết Âm lịch. Việc Ủy ban nhân dân huyện T phá dỡ công trình khi ông, bà chưa nhận tiền, chưa bàn giao mặt bằng, đang có đơn khiếu nại và không có bất kỳ Quyết định cưỡng chế. Nhưng Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai phần kết luận nội dung hoàn toàn trái ngược so với các chứng cứ mà ông, bà đã cung cấp. Gia đình ông N1, bà N đã nhập một lượng lớn hàng hóa để bán dịp Tết vào dịp Lễ hội tháng Giêng, tuy nhiên, việc phá dỡ của Ủy ban nhân dân huyện vào chiều ngày 10/2/2018 (vào chiều thứ bảy ngày 25 Tết âm lịch) là trái Quy định này đã hủy hoại toàn bộ hàng hóa nói trên, cũng như toàn bộ các thiết bị phục vụ cho việc bán hàng; Mất mặt bằng để kinh doanh, thu nhập của gia đình bị mất. Nhưng việc lập luận của người chủ trì đối thoại, cho rằng hàng hóa này đã được bồi thường là kết luận quy chụp mang tính chủ quan. Cho đến nay, số hàng hóa bị thu giữ trái phép từ việc phá dỡ từ tháng 2/2018 đến nay Ủy ban nhân dân huyện vẫn chưa trả lại cho gia đình ông, bà. Do vậy, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho rằng không có cơ sở xem xét yêu cầu của ông, bà là trái quy định của pháp luật.

Vì vậy, ông bà yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung:

- Hủy một phần nội dung Quyết định 2587/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của Ủy ban nhân dân huyện và hủy bỏ các Quyết định 2720/QĐ-UBND, quyết định bồi thường bổ sung số 142/QĐ-UBND ngày 17/01/2017. Vì lý do tại biên bản làm việc ngày 07/12/2016 đã xác định số tiền bồi thường hỗ trợ là 766.372.890 đồng, gia đình bà N đã đồng ý nhận tuy nhiên do thời gian này bà N đang nằm viện nên không đến nhận tiền bồi thường được nhưng ngày 14/4/2017 Ủy ban nhân dân huyện B Quyết định 2587/QĐ-UBND hủy bỏ kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho bà N;

- Hủy Quyết định số 3758/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đợt 9) cho bà Lê Thị N

và ông Phạm Trọng N1, và quyết định bồi thường bổ sung số 457/QĐ – UBND ngày 07/02/2018 do bị ảnh hưởng bởi dự án: Đầu tư, nâng cấp, mở rộng, đường vào núi C tại xã X, huyện X;

- Hủy quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1251/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X;

- Hủy quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 2847/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ;

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện trả số tiền lãi chậm trả tiền bồi thường (số tiền 694.360.651 đồng từ tháng 02/2017 đến tháng 4/2018; số tiền 210.542.011 đồng từ 02/2017 đến 10/2018) cho gia đình ông N1, bà N tổng cộng là số tiền 115.634.482 đồng;

- Yêu cầu hỗ trợ ổn định sản xuất theo quy định của pháp luật;

- Yêu cầu bồi thường hỗ trợ phần ảnh hưởng đối với phần diện tích nhà có diện tích 44,7m² nhà ở cấp C4H3;

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện áp dụng bồi thường phần ảnh hưởng còn lại 54,88m² nhà ở cấp C4H2;

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện bồi thường thiệt hại có liên quan đến việc phá dỡ công trình trên đất thuê vào ngày 10/02/2018 với tổng thiệt hại là 357.690.000 đồng (gồm thiệt hại về tài sản do phá dỡ, chi phí thuê mặt bằng, thu nhập thực tế bị mất, chi phí đi lại, thuê phòng nghỉ, in tài liệu, gửi đơn và chi phí thuê luật sư).

Người đại diện theo ủy quyền Ủy ban nhân dân huyện X và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X trình bày:

**Về căn cứ, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi đất:*

Dự án nâng cấp, mở rộng đường vào núi C tại xã X, huyện X thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất vì mục đích phát triển kinh tế- xã hội, lợi ích công cộng và đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đ chấp thuận tại Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. Dự án phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của huyện đến năm 2020 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4262/QĐ-UBND ngày 31/12/2014; kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện X được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4274/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 theo quy định tại Điều 63 Luật Đất đai năm 2013. Chủ trương thực hiện dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận tại Văn bản số 3827/UBND-CNN ngày 25/5/2015 về việc thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư dự án nâng cấp, mở rộng đường vào núi C; Quyết định số 1144/QĐ-UBND ngày 16/6/2015, Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 27/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V chủ trương đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng đường vào núi C tại xã X. Căn cứ kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt và chủ trương đầu tư dự án, Ngày 31/3/2016, Ủy ban nhân dân huyện B Kế hoạch thu hồi đất số 81/KH-UBND và Thông báo thu hồi đất số 261/TB-UBND ngày 31/3/2016 về việc thu hồi đất của

hộ gia đình bà Lê Thị N để triển khai thực hiện dự án theo quy định tại Điều 67, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1, khoản 2 Điều 17 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai; khoản 1 Điều 4 quy định kèm theo Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh B quy trình và trình tự, thủ tục, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Ngày 12/4/2016, Trung Tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh X phối hợp với Ủy ban nhân dân xã X tổ chức họp phổ biến kế hoạch thu hồi đất, gửi thông báo thu hồi đất và niêm yết công khai chủ trương, thông báo thu hồi đất (theo Biên bản do Trung Tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh X lập ngày 12/4/2016) theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 2 Điều 4 ban hành kèm theo Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh B quy trình và trình tự, thủ tục, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Sau khi thực hiện xong các thủ tục thông báo thu hồi đất, kiểm kê đánh giá thiệt hại về đất đai và tài sản trên đất thu hồi thực hiện dự án và lập, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 2361/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà Lê Thị N và ông Phạm Trọng N1 đang sử dụng tại xã X để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng đường vào núi C theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013.

Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 2361/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà Lê Thị N và ông Phạm Trọng Nghĩa 1 đủ căn cứ, đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền theo quy định Luật Đất đai năm 2013.

***Về thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:**

Để lập, thẩm định và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và thu hồi đất thực hiện dự án; Ủy ban nhân dân huyện lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 30/5/2016 về việc phê duyệt giá đất cụ thể để thực hiện bồi thường theo quy định tại khoản 3 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 6 quy định kèm theo Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngày 14/4/2016, Trung tâm Phát triển quỹ đất ban hành Thông báo số 215/TB-TTPTQĐ về việc kiểm kê, đánh giá đất đai, tài sản do thu hồi đất thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường vào núi C; thông báo được gửi đến hộ gia đình bà Lê Thị N theo quy định tại Điều 7 quy định kèm theo Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh B quy trình tự, thủ tục, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Việc tiến hành kiểm kê, đánh giá thiệt hại được thực hiện dân chủ, công khai, có sự chứng kiến của đại diện hộ gia đình bà Lê Thị N và Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã, đại diện khu ấp đảm bảo thành phần, nội dung lập biên bản kiểm đếm đảm bảo quy định tại Điều 8 kèm theo Quyết định số

53/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Nguồn gốc đất, nhà ở, công trình, vật kiến trúc được Ủy ban nhân dân xã X xác nhận, Phòng Kinh tế và Hạ tầng thẩm tra về nhà ở, công trình, vật kiến trúc và Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm tra về đất đai theo quy định tại Điều 10 quy định kèm theo Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Phương án bồi thường, hỗ trợ được Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đ- Chi nhánh X tổ chức lấy ý kiến các hộ dân và niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã, trụ sở ấp nơi có đất thu hồi với thời gian 20 ngày theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 2 Điều 12 quy định kèm theo Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh B trình và trình tự, thủ tục, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất khi Nhà nước hành quy thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Ngày 29/9/2016, Ủy ban nhân dân huyện P phương án bồi thường, hỗ trợ cho 35 hộ gia đình, cá nhân, tổ chức bị ảnh hưởng dự án tại Quyết định số 2166/QĐ-UBND; trong đó bà Lê Thị N và ông Phạm Trọng N1 được phê duyệt số tiền là 279.425.240 đồng.

Sau khi nhận quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ; hộ gia đình bà Lê Thị N không đồng ý với số tiền bồi thường, hỗ trợ; Ủy ban nhân dân huyện T kiểm tra, xác minh và đánh giá lại mức độ ảnh hưởng của dự án đến các công trình của bà Lê Thị N và ông Phạm Trọng N1 và một số hộ dân khác; cụ thể:

- Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định 2720/QĐ-UBND về việc điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ cho bà Lê Thị N và ông Phạm Trọng N1 - đợt 3 với số tiền là 280.552.040 đồng.

- Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định 142/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ - đợt bổ sung cho bà Lê Thị N và ông Phạm Trọng N1 với số tiền là 631.530.222 đồng.

- Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định 2587/QĐ-UBND thu hồi, hủy bỏ Quyết định 2720/QĐ-UBND và Quyết định 142/QĐ-UBND kinh phí bồi thường, hỗ trợ của bà Lê Thị N lý do xác định sai mức độ ảnh hưởng, kết cấu, cấp hạng nhà ở, vật kiến trúc.

- Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định 3758/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ - đợt 9 cho bà Lê Thị N với số tiền là 582.514.489 đồng. Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định 457/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ - đợt bổ sung cho bà Lê Thị N và ông Phạm Trọng N1 với số tiền là 111.846.162 đồng. Theo đó, hộ gia đình bà Lê Thị N và ông Phạm Trọng N1 được bồi thường, hỗ trợ về đất; nhà ở; vật kiến trúc; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm; thưởng di dời với tổng số tiền là 694.360.651 đồng (582.514.489 đồng + 111.846.162 đồng) (Sáu trăm chín mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi nghìn sáu trăm năm mươi một đồng) đối với tổng diện tích đất thu hồi là 86,6m² thuộc

thửa 174 tờ bản đồ 14.

Các quyết định của Ủy ban nhân dân huyện liên quan đến bồi thường, hỗ trợ nêu trên được Hội đồng bồi thường dự án công bố và gửi thông báo chỉ trả tiền đến hộ gia đình bà Lê Thị N để biết, chấp hành. Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện thực hiện thủ tục bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất thực hiện dự án cho hộ gia đình bà Lê Thị N và ông Phạm Trọng N1 theo đúng Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

***Về giải quyết đơn khiếu nại của hộ gia đình bà Lê Thị N:**

Không đồng ý với các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ của Ủy ban nhân dân huyện; bà Lê Thị N có đơn khiếu nại và đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, giải quyết, cụ thể như sau:

- Ngày 07/3/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B Quyết định số 610/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ cho Thanh tra huyện X xác minh nội dung khiếu nại và kết luận kết quả xác minh như sau:

Bà Lê Thị N bị ảnh hưởng bởi dự án Đầu tư, nâng cấp, mở rộng đường vào núi C tại xã X, huyện X. Cụ thể: bị ảnh hưởng diện tích đất 86,6m², loại đất CLN, thuộc thửa 174, tờ bản đồ số 14, vị trí 2, bản đồ địa chính xã X; diện tích 31,38m² nhà ở (phần thu hồi) xây dựng năm 1997, cấp hạng C4H2; diện tích 21,177m² nhà ở (phần ảnh hưởng), cấp hạng C4H2; diện tích 54,88m² nhà ở (phần ảnh hưởng), cấp hạng C4H3.

Căn cứ quy định về xác định loại đất, vị trí đất, giá đất tại Điều 11 Luật đất đai 2013; khoản 5 Điều 3; điểm i khoản 2 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật đất đai 2013; Mục 6.3 khoản 2 Điều 1 Quyết định 1600/QĐ-UBND ngày 30/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt giá đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thuộc Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng đường vào núi C tại xã X, huyện X; Căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 14 Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Căn cứ báo cáo số 128/BC-KTHT ngày 14/4/2017 của phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ bồi thường, hỗ trợ dự án Đầu tư, nâng cấp, mở rộng đường vào núi C, tại xã X, huyện X. Ủy ban nhân dân huyện ban hành các Quyết định số 3758/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho bà Lê Thị N và ông Phạm Trọng N1, bị ảnh hưởng bởi dự án đầu tư, nâng cấp, mở rộng đường cho bà Lê Thị N và ông Phạm Trọng N1, bị ảnh hưởng bởi dự án nâng cấp, mở rộng đường vào núi C tại xã X, huyện X. Theo đó bà Lê Thị N được bồi thường, hỗ trợ diện tích đất 86,6m², loại đất CLN, thuộc thửa 174, tờ bản đồ số 14, vị trí 2 với giá 106.000 đồng/m² với số tiền 9.179.600 đồng; bồi thường diện tích 31,38m² nhà ở (phần thu hồi) xây dựng năm 1997, cấp hạng C4H2 với giá 2.617.000đồng/m² với tổng số tiền 82.121.460 đồng; bồi thường diện tích 21,177m² nhà ở (phần ảnh hưởng), cấp hạng C4H2 với giá 2.617.000 đồng/m² với tổng số tiền 55.420.209 đồng; bồi thường diện tích 54,88m² nhà ở (phần ảnh hưởng), cấp hạng C4H3 với giá

2.326.000 đồng/m² với tổng số tiền 127.650.880 đồng; không hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất và không bồi thường phần diện tích 61,388m² nhà ở xây dựng năm 1997, cấp hạng C4H3; diện tích 44,7m² nhà ở xây dựng năm 1997, cấp hạng C4H3 và diện tích 15,91m² nhà ở (phần ảnh hưởng) xây dựng năm 2004, cấp hạng dưới C4H2 là đúng quy định của pháp luật.

Việc bà Lê Thị N yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện X áp dụng đơn giá bồi thường về đất và vị trí đất; xem xét hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo Quyết định số 54/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh, xem xét bồi thường phần diện tích nhà xây dựng năm 1997 và năm 2004 của gia đình bà trước đây được các cơ quan ban ngành của huyện tính toán và ghi nhận theo biên bản kiểm đếm, được các cơ quan ban ngành thẩm định và phê duyệt là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Trên cơ sở xác minh, ngày 11/4/2018 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đối thoại với bà Lê Thị N và sau đó ban hành Quyết định 1251/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu) của bà Lê Thị N theo đúng thủ tục, thẩm quyền và nội dung theo các quy định của pháp luật.

*Về nội dung yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản và tinh thần do việc tháo dỡ công trình trên đất vào ngày 10/02/2018:

Trong tổng số 694.360.651 đồng tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà Lê Thị N, Ủy ban nhân dân huyện đã đánh giá thiệt hại, lập thủ tục phê duyệt giá trị bồi thường tài sản trên đất cho bà Lê Thị N (công trình tạm do bà Lê Thị N thuê đất của bà Trần Thị L để xây dựng buôn bán); giá trị bồi thường về đất được Ủy ban nhân dân huyện P cho bà Trần Thị L (chủ sử dụng đất) và bà Trần Thị L đã nhận tiền, bàn giao đất cho Nhà nước thực hiện dự án.

Tuy nhiên qua nhiều lần vận động, bà Lê Thị N không tháo dỡ, di dời tài sản trên đất của bà Trần Thị L đã bàn giao thực hiện dự án, mặc dù chính sách bồi thường về tài sản của bà Lê Thị N trên đất thuê của bà Trần Thị L đã được Ủy ban nhân dân huyện B đầy đủ, thỏa đáng, bà Lê Thị N không còn thắc mắc, khiếu nại về nội dung này. Do đó đến ngày 08/02/2018, Hội đồng bồi thường dự án có Thông báo số 08/TB-HĐBT đề nghị bà Lê Thị N tự tháo dỡ, di dời tài sản ra khỏi phần đất thuê của bà Trần Thị L; tiếp tục ngày 09/02/2018, Hội đồng bồi thường dự án phối hợp cùng Ủy ban nhân dân xã X tổ chức buổi làm việc với hộ bà Lê Thị N cùng các hộ dân trên tuyến đường ảnh hưởng dự án. Vận động việc di dời tài sản trên phần đất thuê của bà Trần Thị L nhưng bà Lê Thị N không đến tham dự, do đó trong ngày 09/02/2018 Hội đồng bồi thường dự án tiếp tục có Thông báo số 09/TB-HĐBT đề nghị bà Lê Thị N tự tháo dỡ, di dời tài sản trên phần đất thuê của bà Trần Thị L đã bàn giao cho Nhà nước thực hiện dự án nhưng bà Lê Thị N không chấp hành việc tự tháo dỡ, di dời tài sản trên đất của người khác.

Ngày 10/02/2018, Hội đồng bồi thường dự án phối hợp với Ủy ban nhân dân xã X cùng các đơn vị có liên quan tiến hành tháo dỡ, di dời tài sản của bà Lê Thị N trên phần đất thuê của bà Trần Thị L để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án. Đối với các tài sản là hàng hóa, vật dụng không bồi thường, Tổ công tác

kiểm kê, bàn giao cho xã X quản lý.

Như vậy, về nội dung bà Lê Thị N yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản, tinh thần do thực hiện tháo dỡ công trình trên phần diện tích đất gia đình bà N thuê của bà Trần Thị L để kinh doanh là không có cơ sở do bà N đã được Ủy ban nhân dân huyện tính toán bồi thường tài sản trên đất và nhận tiền bồi thường; mặc dù đã được cơ quan chức năng nhiều lần thông báo, vận động việc tháo dỡ công trình, bàn giao mặt bằng cho Nhà nước nhưng hộ bà N không chấp hành.

*Ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện X và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X đối với yêu cầu khởi kiện:

- Căn cứ Quyết định số 4667/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện X; Quyết định số 1144/QĐ-UBND ngày 16/6/2015, Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 27/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V chủ trương đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng đường vào núi C tại xã X; Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành kế hoạch thu hồi đất, thông báo thu hồi đất, tiến hành đo đạc, kiểm đếm, lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà Lê Thị N bị ảnh hưởng bởi dự án và lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và ban hành quyết định thu hồi đất gửi đến người có đất bị thu hồi đất theo đúng thủ tục, điều kiện và thẩm quyền về thu hồi đất vì mục đích phát triển kinh tế- xã hội, lợi ích công cộng.

- Qua các đợt kiểm tra, xác minh và điều chỉnh bổ sung giá trị bồi thường hỗ trợ đối với tài sản bị ảnh hưởng; Ủy ban nhân dân huyện X thấy với tài sản là các công trình phục vụ kinh doanh đã xây dựng từ năm 1997 và quyền sử dụng đất bị ảnh hưởng là 86,6m² đã được bồi thường, hỗ trợ 694.360.651 đồng là thỏa đáng và đảm bảo không thiếu chính sách theo quy định của pháp luật.

- Dự án nâng cấp, mở rộng đường vào núi C tại xã X, huyện X là dự án trọng điểm của huyện nhằm phục vụ phát triển du lịch tại Khu di tích danh thắng núi C phục vụ phát triển kinh tế- xã hội cho huyện nói chung và các hộ dân sinh sống, kinh doanh hai bên đường vào núi C nói riêng. Dự án chỉ ảnh hưởng một phần đất và tài sản để mở rộng đường giao thông; mặt khác các hộ dân sinh sống chủ yếu bằng nghề kinh doanh, buôn bán dịch vụ phục vụ khách du lịch do đó dự án hoàn thành, các hộ dân 2 bên đường được hưởng lợi trực tiếp từ dự án.

Trong quá trình thực hiện dự án, các ngành chuyên môn của Ủy ban nhân dân huyện, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai- Chi nhánh X, Ủy ban nhân dân xã X, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã X nhiều lần tuyên truyền, vận động và thuyết phục, nhưng bà Lê Thị N vẫn không chấp hành, làm chậm tiến độ thực hiện dự án theo kế hoạch. Để đảm bảo mặt bằng và thi công dự án đảm bảo tiến độ; Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện di dời, tháo dỡ tài sản trên đất của bà Trần Thị L đã bàn giao cho Nhà nước vào ngày 10/02/2018; đồng thời ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất của bà Lê Thị N theo quy định và thành lập Ban cưỡng chế để thực hiện cưỡng chế thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, bàn giao cho chủ đầu tư thi công xây dựng công trình theo kế hoạch đề ra

và thực thi nghiêm minh các quy định của pháp luật.

Từ những nội dung nêu trên, Ủy ban nhân dân huyện X xác định việc thực hiện trình tự, thủ tục đề ban hành Quyết định 2361/QĐ-UBND, Quyết định 375/QĐ-UBND và Quyết định 457/QĐ-UBND là đúng quy định của pháp luật, đã đảm bảo quyền lợi cho bà Lê Thị N và ông Phạm Trọng N1.

Theo nội dung ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ trình bày:

***Về nội dung khiếu nại của bà Lê Thị N:**

Thực hiện dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng đường vào núi C tại xã X, huyện X, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định 2361/QĐ-UBND và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ tại các Quyết định 3758/QĐ-UBND, Quyết định 457/QĐ-UBND. Theo đó hộ bà N được phê duyệt bồi thường diện tích 86,6m² đất thu hồi theo vị trí 2, bồi thường nhà, vật kiến trúc bao gồm: Diện tích 31,38m² nhà cấp hạng C4H2 (trên phần đất bị thu hồi), diện tích 21,177m² nhà cấp hạng C4H2, diện tích 54,88m² nhà cấp hạng C4H3 (bị ảnh hưởng) xây dựng năm 1997 và một số tài sản trên đất khác trên đất; hộ bà N không được bồi thường, hỗ trợ đối với các nhà ở gồm: Diện tích 61,388m² cấp hạng C4H3, diện tích 44,7m² cấp hạng C4H3 xây dựng năm 1997 và diện tích 15,91m² cấp hạng dưới C4H2 xây dựng năm 2004 và một số tài sản khác, do xác định các diện tích nhà ở trên không bị ảnh hưởng khi thực hiện dự án.

Không đồng ý với các quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ nêu trên, bà Lê Thị N có đơn khiếu nại đề ngày 09/02/2018 gửi Ủy ban nhân dân huyện với các nội dung: Khiếu nại về giá bồi thường về đất và vị trí đất; yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo Quyết định số 54/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Yêu cầu bồi thường phần diện tích nhà xây dựng năm 1997 và năm 2004 của gia đình bà trước đây được tính toán và ghi nhận rõ theo biên bản kiểm đếm, được các cơ quan, ban, ngành thẩm định và phê duyệt.

Đối với nội dung khiếu nại không đồng ý bồi thường diện tích 86,6m² đất theo vị trí 2, đề nghị bồi thường theo vị trí 1:

Tại Quyết định 3758/QĐ-UBND và Quyết định 457/QĐ-UBND, hộ bà Lê Thị N được bồi thường, hỗ trợ phần diện tích 86,6m² đất nông nghiệp theo vị trí 2, đơn giá 106.000 đồng/m².

Theo Giấy xác nhận nguồn gốc đất ngày 30/5/2016 của Ủy ban nhân dân xã X, Văn bản số 75/CV-VPĐK ngày 25/6/2016 và hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 14/3/2016 của Văn phòng Đ - Chi nhánh X xác định vị trí thửa đất, thể hiện phần diện tích 86,6m² đất nông nghiệp của bà Lê Thị N tiếp giáp với mặt tiền đường tỉnh lộ 766 - chùa B1 (đường vào chùa G).

Căn cứ quy định về giá các loại đất tỉnh Đồng Nai 05 năm giai đoạn 2015-2019 ban hành kèm theo Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh; tại phụ lục I, phân nhóm đường giao thông chính quy định đường vào chùa G (Tỉnh lộ 766 - chùa B1) thuộc đường nhóm 2 và tại

khoản 2, Điều 6 về phân vị trí đất nông nghiệp tại nông thôn quy định: “Vị trí 2 bao gồm: ... các thửa đất mặt tiền trong phạm vi 200 mét tính từ giới hạn hành lang an toàn giao thông (mốc lộ giới) của các đường thuộc nhóm 2 quy định tại phụ lục I phần diện tích 86,6m² đất nông nghiệp thuộc một phần của quy định này, thửa đất số 174, Tờ bản đồ địa chính số 14 xã X của bà Lê Thị N được xác định thuộc vị trí 2 là đúng quy định. Bà Lê Thị N khiếu nại yêu cầu bồi thường đất vị trí 1 là không có cơ sở xem xét. Liên quan nội dung bồi thường đất theo vị trí 2, tại biên bản làm việc ngày 13/9/2017 với Trung tâm phát triển quỹ đất huyện X, bà N đã được nghe giải thích và bà N thống nhất quy định về bồi thường đất nông nghiệp nêu trên theo vị trí 2.

- Về giá đất để tính tiền bồi thường: Ngày 30/5/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định số 1600/QĐ-UBND phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường cho các hộ bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường vào núi C tại xã X, huyện X. Căn cứ quyết định nêu trên của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện P phương án bồi thường cho các hộ trong khu vực dự án, đa số các hộ đã nhận tiền và bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án. Trong đó, hộ bà Lê Thị N được UBND Xuân Lộc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tại QUYẾT ĐỊNH 3758/QĐ-UBND. Tiếp đó, hộ bà Lê Thị N được Ủy ban nhân dân huyện P phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung tại QĐ 457.

- Đối với nội dung khiếu nại yêu cầu hỗ trợ ổn định sản xuất:

Bà Lê Thị N được Ủy ban nhân dân huyện C Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 47G8002681 ngày 21/7/2008, ngành nghề kinh doanh là bán hàng ăn uống tại địa điểm thu hồi đất. Theo Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, tại điểm đ, khoản 1, Điều 19 quy định về hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất: “Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mà bị ngừng sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ ổn định sản xuất” và tại điểm b, khoản 4, Điều 19 quy định: “Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh...thuộc đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này thì được hỗ trợ ổn định sản xuất bằng tiền với mức cao nhất bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó. Thu nhập sau thuế được xác định căn cứ vào báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc được cơ quan thuế chấp thuận; trường hợp chưa được kiểm toán hoặc chưa được cơ quan thuế chấp thuận thì việc xác định thu nhập sau thuế được căn cứ vào thu nhập sau thuế do đơn vị kê khai tại báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối mỗi năm đã gửi cơ quan thuế”; khoản 2, Điều 14 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (ban hành kèm theo Quyết định số 54/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh) quy định hỗ trợ ổn định sản xuất: “Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh...thuộc đối tượng quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 19, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì được hỗ trợ ổn định sản xuất bằng tiền với

mức bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó”.

Theo Đơn khiếu nại đề ngày 15/5/2018 của bà Lê Thị N và quá trình làm việc với Thanh tra tỉnh tại biên bản ngày 11/7/2018, ông Trần Công T2 (người được bà Lê Thị N ủy quyền) không cung cấp được các tài liệu chứng minh được mức thu nhập liên quan đến hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh của bà N tại nơi có đất thu hồi theo quy định. Do đó, hộ bà Lê Thị N không được xem xét hỗ trợ ổn định sản xuất là đúng quy định.

- Đối với nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường, hỗ trợ phần ảnh hưởng đối với diện tích nhà 44,7m² và diện tích nhà 15,91m² theo biên bản kiểm đếm, thẩm định và phê duyệt bồi thường trước đây của Ủy ban nhân dân huyện.

Theo kết quả thẩm định hồ sơ bồi thường, hỗ trợ cho bà Lê Thị N của Phòng kinh tế - Hạ tầng huyện X tại Báo cáo số 128/BC-KTHT ngày 14/4/2017, trong đó giảm diện tích nhà ở do xác định không bị ảnh hưởng bởi phần diện tích nhà tháo dỡ khi thực hiện dự án, bao gồm: Giảm diện tích 61,388m² nhà C4H3 (phần diện tích nhà bà N dùng để kinh doanh đặt võng cho khách thuê nghỉ chân), giảm diện tích 44,7m² nhà C4H3 xây dựng năm 1997 (phần diện tích nhà bà N dùng để kinh doanh nhà trọ) và diện tích 15,91m² cấp hạng dưới C4H2 xây dựng năm 2004 (theo bản vẽ hiện trạng do Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện X lập ngày 13/3/2017).

Ngày 04/7/2018, Thanh tra tỉnh cùng với đại diện Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân huyện và các phòng, ban chuyên môn của huyện, Ủy ban nhân dân xã X (cùng chứng kiến có ông Trần Công T2 - người được bà N ủy quyền, bà Phạm Thị Ngọc H - con gái bà N) tiến hành kiểm tra, đo đạc hiện trạng, xác định diện tích nhà ở bị ảnh hưởng của hộ bà Lê Thị N do thực hiện dự án đối với các căn nhà trên thửa đất số 174, tờ bản đồ địa chính số 14 xã X, kết quả thể hiện:

Đối với phần diện tích 44,7m² nhà ở cấp hạng C4H3 (nhà trọ) được xác định nằm ngoài phạm vi thu hồi đất. Hiện trạng nhà có 01 đoạn xà ngang bằng bê tông được gác từ phía tường ngoài nhà C4H3 này nối vào tường gạch của căn nhà chính (nhà ảnh hưởng 1 theo bản vẽ hiện trạng ngày 13/3/2017), không có trụ chịu lực đỡ xà bê tông; khoảng giữa nhà trọ và nhà ảnh hưởng 1 có gác các thanh xà gỗ, lợp tôn (đã được tháo dỡ) tạo mái để bà N dùng để kinh doanh cho thuê võng.

- Đối với phần diện tích 15,91m² nhà xây dựng năm 2004: Tại thời điểm kiểm tra, căn nhà trên đã được gia đình bà N tháo dỡ để làm lối vào công trình xây dựng phía sau khu đất. Tuy nhiên, theo Trung tâm phát triển quỹ đất huyện X và Ủy ban nhân dân xã X thì diện tích căn nhà này, được xác định là nhà dưới C4H2 và nằm ngoài ranh thu hồi (phía sau căn nhà C4H3 được xác định bị ảnh hưởng do tháo dỡ nhà trên phần diện tích thu hồi). Nhà có kết cấu nằm riêng biệt, có khung cột sắt, vách tôn, sàn ván, không bị ảnh hưởng bởi phần diện tích nhà tháo dỡ khi thực hiện dự án; tại biên bản khảo sát lập ngày 21/02/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện X (có sự xác nhận của bà Lê Thị N) đã thống nhất xác định phần diện tích đất thu hồi và tài sản bị thiệt hại của hộ bà N

(kể cả phần nhà bị ảnh hưởng) không có phần diện tích 15,91m² nhà nêu trên.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra hiện trạng nêu trên, các cơ quan chuyên môn xác định phần diện tích 44,7m² căn nhà C4H3 và 15,91m² nhà dưới C4H2 nằm ngoài phạm vi thu hồi đất, không bị ảnh hưởng bởi việc tháo dỡ diện tích nhà nằm trong ranh thu hồi để thực hiện dự án và vẫn tồn tại, sử dụng được.

Căn cứ điểm đ, khoản 2, Điều 4 quy định về giá bồi thường, hỗ trợ tài sản khi Nhà nước thu hồi đất ban hành kèm theo Quyết định số 55/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q: “Nhà cửa, vật kiến trúc bị giải tỏa một phần thì bồi thường hoặc hỗ trợ phần bị giải tỏa đó. Đối với nhà và các loại công trình, vật kiến trúc khác mà khi tháo dỡ phần bị giải tỏa ảnh hưởng đến cấu trúc của phần còn lại thì tùy theo tính chất hợp pháp của tài sản để được tính bồi thường, hỗ trợ (hoặc không hỗ trợ) phần ảnh hưởng. Diện tích tính ảnh hưởng là diện tích tính từ vạch giải tỏa đến mép trụ đỡ gần nhất (nếu phần còn lại có thể tự chống đỡ để tồn tại được và sử dụng được); hoặc phần còn lại không thể tự chống đỡ để tồn tại được; hoặc sau khi giải tỏa mà phần còn lại vì các lý do khác mà không thể sử dụng được”, Ủy ban nhân dân huyện không tính toán bồi thường, hỗ trợ cho bà Lê Thị N phần ảnh hưởng đối với diện tích 44,7m² và diện tích 15,91m² nhà ở là đúng quy định.

- Kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ngày 26/4/2018, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định 1251/QĐ-UBND. Ngày 13/8/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định 2847/QĐ-UBND, công nhận Quyết định 1251/QĐ-UBND là đúng quy định của pháp luật và yêu cầu bà Lê Thị N thực hiện nghiêm các Quyết định 3758/QĐ-UBND và Quyết định 457/QĐ-UBND.

Ủy ban nhân dân tỉnh N thấy việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Lê Thị N đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định 2587/QĐ-UBND, Quyết định 2720/QĐ-UBND, Quyết định 142/QĐ-UBND, Quyết định 3758/QĐ-UBND, Quyết định 457/QĐ-UBND và Quyết định 1251/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Lê Thị N; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định 2847/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần hai đối với bà Lê Thị N là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Lê Thị N, giữ nguyên các quyết định của Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành.

Vì vậy, người bị kiện không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện; người bị kiện vẫn giữ nguyên các quyết định hành chính bị kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 96/2023/HC-ST ngày 29/9/2023 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 263/2023/QĐSCBSBA ngày 17/11/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trọng N1, bà Lê Thị N về việc:

- Hủy một phần nội dung Quyết định 2587/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của Ủy ban nhân dân huyện X về việc thu hồi và hủy bỏ các Quyết định số 2720/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 và Quyết định bồi thường bổ sung số 142/QĐ-UBND ngày 17/01/2017.

- Hủy Quyết định số 3758/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của Ủy ban nhân dân huyện X về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đợt 9) cho bà Lê Thị N và ông Phạm Trọng N1, và Quyết định bồi thường bổ sung số 457/QĐ-UBND ngày 07/02/2018 do bị ảnh hưởng bởi dự án: Đầu tư, nâng cấp, mở rộng, đường vào núi C tại xã X, huyện X.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1251/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 2847/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện X bồi thường về tài sản và tinh thần do việc phá dỡ công trình trên đất mà Ủy ban nhân dân huyện X tiến hành vào ngày 10/2/2018 số tiền 115.634.482 đồng.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện X thanh toán số tiền lãi chậm trả cho gia đình ông, bà khoản lãi suất phát sinh do chậm trả tiền xuất phát từ việc Hội đồng bồi thường huyện X chuyển khoản kinh phí bồi thường vào khoảng tháng vào tài khoản tạm giữ của Kho bạc Nhà nước số tiền 115.634.482 đồng.

- Xem xét chấp thuận yêu hỗ trợ ổn định sản xuất theo quy định của pháp luật;

- Yêu cầu bồi thường hỗ trợ phần ảnh hưởng đối với phần diện tích nhà có diện tích 44,7m² nhà ở cấp C4H3.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện áp dụng bồi thường phần ảnh hưởng còn lại 54,88m² nhà ở cấp C4H2.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện B thiệt hại có liên quan đến việc phá dỡ công trình trên đất thuê vào ngày 10/02/2018 số tiền 357.690.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/10/2023 người khởi kiện bà Lê Thị N, ông Phạm Trọng N1 kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện là bà Lê Thị N, ông Phạm Trọng N1 (có bà Phạm Thị Ngọc H là đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, ông N1.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện phát biểu ý kiến: Các quyết định hành chính được ban hành không phù hợp, trong đó Quyết định 3758/QĐ-UBND không phù hợp về thời gian. Tháng 6/2006 bà H đồng ý

nhận tiền bồi thường, nhưng sau đó Nhà nước lại giảm tiền bồi thường thì số tiền đó phải được gửi vào kho bạc Nhà nước, nhưng Ủy ban không thực hiện là trái quy định pháp luật. Các quyết định giải quyết khiếu nại chưa đúng quy trình, chưa giải quyết triệt để yêu cầu của người khởi kiện đối với số tiền bồi thường chưa được phê duyệt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà N, ông Nghĩa 1 có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện có kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ, người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Đ xin xét xử vắng mặt; Chủ tịch UBND huyện X và UBND huyện X, vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt các đương sự này.

[2] Bà Lê Thị N, ông Phạm Trọng N1 yêu cầu xem xét áp dụng đơn giá bồi thường đất và vị trí đất, hỗ trợ ổn định sản xuất, bồi thường phần diện tích nhà xây dựng năm 1997 và 2004 theo biên bản kiểm đếm, được các cơ quan ban ngành thẩm định và phê duyệt. Ngoài ra, ngày 10/02/2018 (25 tết âm lịch) Ủy ban nhân dân huyện X đã tiến hành phá dỡ công trình trên đất thuê của gia đình ông N1, bà N, nên người khởi kiện yêu cầu xem xét bồi thường về tài sản và tinh thần do việc phá dỡ công trình trên đất thuê vào chiều 25 Tết âm lịch.

[3] Về vị trí và mức giá bồi thường về đất:

Theo Giấy xác nhận nguồn gốc đất ngày 30/5/2016 của Ủy ban nhân dân xã X, Văn bản số 75/CV-VPĐK ngày 25/6/2016 và hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 14/3/2016 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh - Chi nhánh X thì phần diện tích 86,6m² đất nông nghiệp của bà Lê Thị N tiếp giáp với mặt tiền đường Tỉnh lộ 766 – chùa B1 (đường V Lào).

Theo quy định về giá các loại đất tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2015-2019, ban hành kèm theo Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Tại Phụ lục I, phân nhóm đường giao thông chính quy định đường vào Chùa G (Tỉnh lộ 766 - chùa B1) thuộc đường nhóm 2 và tại khoản 2, Điều 6 về phân vị trí đất nông nghiệp tại nông thôn quy định: “Vị trí 2 bao gồm: ... các đất mặt tiền trong phạm vi 200 mét tính từ giới hạn hành lang an toàn giao

thông (mốc lộ giới) của các đường thuộc nhóm 2 quy định tại Phụ lục I”, thì phần diện tích 86,6m² đất nông nghiệp thuộc một phần thửa đất số 174, tờ bản đồ địa chính số 14 xã X của bà Lê Thị N được xác định thuộc vị trí 2.

Tại B làm việc ngày 13/9/2017 với Trung tâm phát triển quỹ đất huyện X, bà N đã được nghe giải thích và bà N thống nhất quy định về bồi thường đất nông nghiệp nêu trên theo vị trí 2.

[4] Về giá đất để tính tiền bồi thường:

Ủy ban nhân dân huyện X ban hành Quyết định 3758/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho bà N với số tiền 582.514.489 đồng; Ngày 07/02/2018 Ủy ban nhân dân huyện X tiếp tục ban hành Quyết định 457/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ bà N là đúng quy định theo Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 30/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường cho các hộ bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường vào núi C tại xã X, huyện X.

Hơn nữa, bà N và ông N1 được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 745,7m²; trong đó có 100m² đất ở tại nông thôn và 645,7m² đất nông nghiệp (trong đó có 137,5m² đất bảo vệ hành lang an toàn giao thông), nhưng không nêu rõ vị trí 100m² loại đất ở nằm trong phần nào của diện tích 745,7m². Do đó, Ủy ban nhân dân huyện X áp dụng giá đất nông nghiệp (CLN) để bồi thường khi thu hồi diện tích 86,6m² là có lợi cho người khởi kiện, vì trong diện tích đất còn lại sau khi bị thu hồi bà N, ông N1 được công nhận 100m² diện tích đất ở. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm thì bà Phạm Thị Ngọc H (là người đại diện theo ủy quyền của bà N, ông N1) đã nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ là 582.514.489đ vào ngày 06/4/2018 (bút lục 97).

[5] Về mức bồi thường, hỗ trợ phần ảnh hưởng đối với diện tích nhà 44,7m² và diện tích nhà 15,91m² theo biên bản kiểm đếm, thẩm định và phê duyệt bồi thường trước đây của Ủy ban nhân dân huyện X:

Tại Báo cáo số 128/BC-KTHT ngày 14/4/2017 của Phòng kinh tế - Hạ tầng huyện X thể hiện kết quả thẩm định hồ sơ bồi thường, hỗ trợ cho bà N như sau: Giảm diện tích nhà ở do xác định không bị ảnh hưởng bởi phần diện tích nhà tháo dỡ khi thực hiện dự án, bao gồm: Giảm diện tích 61,388m² nhà C4H3 (phần diện tích nhà bà N dùng để kinh doanh đặt võng cho khách thuê nghỉ chân), giảm diện tích 44,7m² nhà C4H3 xây dựng năm 1997 (phần diện tích nhà bà N dùng để kinh doanh nhà trọ) và diện tích 15,91m² cấp hạng dưới C4H2 xây dựng năm 2004 (theo Bản vẽ hiện trạng do Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện X lập ngày 13/3/2017).

Ngày 04/7/2018, Thanh tra tỉnh Đồng Nai cùng với đại diện Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân huyện X và các phòng, ban chuyên môn, Ủy ban nhân dân xã X (cùng chứng kiến có ông Trần Công T2 - người được bà N ủy quyền, bà Phạm Thị Ngọc H - con gái bà N) tiến hành kiểm tra, đo đạc hiện trạng, xác định diện tích nhà ở bị ảnh hưởng của hộ bà N do thực hiện dự án đối với các căn nhà trên

thửa đất số 174, tờ đồ địa chính số 14 xã X, kết quả thể hiện:

- Đối với phần diện tích 44,7m² nhà ở cấp hạng C4H3 (nhà trọ) được xác định nằm ngoài phạm vi thu hồi đất. Hiện trạng nhà có 01 đoạn xà ngang bằng bê tông được gác từ phía tường ngoài nhà C4H3 này nối vào tường gạch của căn nhà chính (nhà ảnh hưởng 1 theo bản hiện trạng ngày 13/3/2017), không có trụ chịu lực đỡ xà bê tông; Khoảng giữa nhà trọ và nhà ảnh hưởng 1 có gác các thanh xà gỗ, lợp tôn (đã được tháo dỡ) tạo mái để bà N dùng để kinh doanh cho thuê vắng.

- Đối với phần diện tích 15,91m² nhà xây dựng năm 2004: Tại thời điểm kiểm tra, căn nhà trên đã được gia đình bà N tháo dỡ để làm lối vào công trình xây dựng phía sau khu đất. Tuy nhiên, theo Trung tâm phát triển quỹ đất huyện X và Ủy ban nhân dân xã X thì diện tích căn nhà này, được xác định là nhà dưới C4H2 và nằm ngoài ranh thu hồi (phía sau căn nhà C4H3 được xác định bị ảnh hưởng do tháo dỡ nhà trên phần diện tích thu hồi). Nhà có kết cấu nằm riêng biệt, có khung cột sắt, vách tôn, sàn ván, không bị ảnh hưởng bởi phần diện tích nhà tháo dỡ khi thực hiện dự án. Tại Biên khảo sát lập ngày 21/02/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện X (có sự xác nhận của bà Lê Thị N) đã thống nhất xác định phần diện tích đất thu hồi và tài sản bị thiệt hại của hộ bà N (kể cả phần nhà bị ảnh hưởng) không có phần diện tích 15,91m² nhà nêu trên.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra hiện trạng nêu trên, các cơ quan chuyên môn xác định phần diện tích 44,7m² căn nhà C4H3 và 15,91m² nhà dưới C4H2 nằm ngoài phạm vi thu hồi đất, không bị ảnh hưởng bởi việc tháo dỡ diện tích nhà nằm trong ranh thu hồi để thực hiện dự án và vẫn tồn tại, sử dụng được. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện X không tính toán bồi thường, hỗ trợ cho bà N phần ảnh hưởng đối với diện nhà nêu trên là đúng quy định tại điểm khoản Điều 4 Quy về giá bồi thường, hỗ trợ tài sản khi Nhà nước thu hồi đất ban hành kèm theo Quyết định số 55/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

[6] Về thiệt hại về tài sản và tinh thần do việc tháo dỡ công trình trên đất vào ngày 10/02/2018:

Trong tổng số 694.360.651 đồng tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà N, Ủy ban nhân dân huyện X đã đánh giá thiệt hại, lập thủ tục phê duyệt giá trị bồi thường tài sản trên đất cho bà N (công trình tạm do bà N thuê đất của bà Trần Thị L để xây dựng buôn bán); Giá trị bồi thường về đất được Ủy ban nhân dân huyện P cho bà Trần Thị L (chủ sử dụng đất) và bà Trần Thị L đã nhận tiền, bàn giao đất cho Nhà nước thực hiện dự án.

Tuy nhiên, qua nhiều lần vận động, bà N không tháo dỡ, di dời tài sản trên đất của bà Trần Thị L đã bàn giao thực hiện dự án. Do đó, ngày 08/02/2018, Hội đồng bồi thường dự án có Thông báo số 08/TB-HĐBT đề nghị bà N tự tháo dỡ, di dời tài sản ra khỏi phần đất thuê của bà Trần Thị L; Tiếp tục ngày 09/02/2018, Hội đồng bồi thường dự án phối hợp cùng Ủy ban nhân dân xã X tổ chức buổi làm việc với hộ bà Lê Thị N cùng các hộ dân trên tuyến đường ảnh hưởng dự án. Vận động việc di dời tài sản trên phần đất thuê của bà Trần Thị L nhưng bà Lê Thị N không đến tham dự. Do đó trong ngày 09/02/2018 Hội đồng

bồi thường dự án tiếp tục có Thông báo số 09/TB-HĐBT đề nghị bà N tự tháo dỡ, di dời tài sản trên phần đất thuê của bà Trần Thị L đã bàn giao cho Nhà nước thực hiện dự án nhưng bà N không chấp hành việc tự tháo dỡ, di dời tài sản trên đất của người khác.

Để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án, ngày 10/02/2018, Hội đồng bồi thường dự án phối hợp với Ủy ban nhân dân xã X cùng các đơn vị có liên quan tiến hành tháo dỡ, di dời tài sản của bà N trên phần đất thuê của bà Trần Thị L để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án. Đối với các tài sản là hàng hóa, vật dụng không bồi thường, Tổ kiểm kê, bàn giao cho xã X quản lý là đúng quy định pháp luật. Do đó, yêu cầu của bà N về việc bồi thường thiệt hại tài sản, tinh thần do thực hiện tháo dỡ công trình trên phần diện tích đất gia đình bà N thuê của bà Trần Thị L để kinh doanh là không có cơ sở để chấp nhận.

[7] Đối với yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất:

Diện tích đất nông nghiệp thu hồi của bà N là 86,6m²/745,7m², bà N không chứng minh được thu nhập sau thuế đối với việc kinh doanh bán lẻ nên không thuộc diện được hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 54/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Quá trình làm việc với Thanh tra tỉnh tại Biên ngày 11/7/2018, ông Trần Công T2 (người được bà Lê Thị N ủy quyền) không cung cấp được các tài liệu chứng minh được mức thu nhập liên quan đến hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh của bà N tại nơi có đất thu hồi theo quy định. Do đó, hộ bà N không được xem xét hỗ trợ ổn định sản xuất là đúng quy định pháp luật.

Trên cơ sở xác minh, ngày 11/4/2018 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đối thoại với bà N và sau đó ban hành Quyết định số 1251/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu) của bà Lê Thị N theo đúng thủ tục, thẩm quyền và nội dung theo các quy định của pháp luật. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 2847/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 bác khiếu nại của bà N, ông Nghĩa l có căn cứ.

[8] Do yêu cầu hủy các quyết định hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên không được chấp nhận, nên các yêu cầu bồi thường tiền lãi chậm về tài sản và tinh thần do việc phá dỡ công trình trên đất mà Ủy ban nhân dân huyện X tiến hành vào ngày 10/2/2018 số tiền 115.634.482 đồng; Yêu cầu hỗ trợ ổn định sản xuất theo quy định của pháp luật; Yêu cầu bồi thường hỗ trợ phần ảnh hưởng đối với phần diện tích nhà có diện tích 44,7m² nhà ở cấp C4H3; Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện X áp dụng bồi thường phần ảnh hưởng còn lại 54,88m² nhà ở cấp C4H2; Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện X bồi thường thiệt hại có liên quan đến việc phá dỡ công trình đất thuê vào ngày 10/02/2018 số tiền 357.690.000 đồng cũng không có cơ sở chấp nhận.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh nên bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[10] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[11] Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Lê Thị N, sinh năm 1951; Ông Phạm Trọng N1, sinh năm 1951 là người cao tuổi nên được miễn theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Lê Thị N, ông Phạm Trọng N1. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 96/2023/HC-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Áp dụng các Điều 6, 11, 23, 40, 62, 63, 66, 67, 69, 70, 74, 75, 76, 77, 79, 83, 114 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại; khoản 5 Điều 3; khoản 1, khoản Điều 17; điểm i khoản Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T3 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Nghị định 47/2014/CP của Chính Phủ ngày 15/5/2014 bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đ; các Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 ban hành quy trình và trình tự, thủ tục, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 54/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 ban hành về quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 55/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 ban hành về giá bồi thường, hỗ trợ tài sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 ban hành về thực hiện dân chủ trong công tác quy hoạch sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư phát triển kinh tế-xã hội, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng thu hồi đất, tái định cư trên địa bàn tỉnh Đồng Nai của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trọng N1, bà Lê Thị N về việc:

- Hủy một phần nội dung Quyết định 2587/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của Ủy ban nhân dân huyện X về việc thu hồi và hủy bỏ các Quyết định số 2720/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 và Quyết định bồi thường bổ sung số 142/QĐ-UBND ngày 17/01/2017.

- Hủy Quyết định số 3758/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của Ủy ban nhân dân huyện X về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đợt 9) cho bà Lê Thị

N và ông Phạm Trọng N1, và Quyết định bồi thường bổ sung số 457/QĐ-UBND ngày 07/02/2018 do bị ảnh hưởng bởi dự án: Đầu tư, nâng cấp, mở rộng, đường vào núi C tại xã X, huyện X.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1251/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 2847/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện X bồi thường về tài sản và tinh thần do việc phá dỡ công trình trên đất mà Ủy ban nhân dân huyện X tiến hành vào ngày 10/2/2018 số tiền 115.634.482 đồng.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện X thanh toán số tiền lãi chậm trả cho gia đình ông, bà khoản lãi suất phát sinh do chậm trả tiền xuất phát từ việc Hội đồng bồi thường huyện X chuyển khoản kinh phí bồi thường vào khoảng tháng vào tài khoản tạm giữ của Kho Nhà nước số tiền 115.634.482 đồng.

- Xem xét chấp thuận yêu hỗ trợ ổn định sản xuất theo quy định của pháp luật;

- Yêu cầu bồi thường hỗ trợ phần ảnh hưởng đối với phần diện tích nhà có diện tích 44,7 m² nhà ở cấp C4H3.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện áp dụng bồi thường phần ảnh hưởng còn lại 54,88 m² nhà ở cấp C4H2.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện B thiệt hại có liên quan đến việc phá dỡ công trình trên đất thuê vào ngày 10/02/2018 số tiền 357.690.000 đồng.

2. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phạm Trọng N1 và bà Lê Thị N được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Đường sự;
- Lưu. (PPC).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Nhựt Bình